

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4916/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lee B, sinh năm 1968; nơi cư trú: 389 F – G - H, Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị A trình bày: Chị và anh Lee B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và có ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 5 năm 2008. Đến tháng 6 năm 2008, chị sang Hàn Quốc để đoàn tụ với chồng, tuy nhiên trong quá trình chung sống do không hợp về phong tục tập quán, cũng như bất đồng ngôn ngữ nên từ tháng 3 năm 2009 chị đã bỏ ra ngoài và không sống cùng anh Lee B nữa, hiện vợ chồng chị đã ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lee B.

Về con chung và tài sản chung: Chị và anh Lee B không có con chung và tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh Lee B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh Lee B trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 22/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 2553/BTP-PLQT ngày 13/8/2019 của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp với lý do không có người nhận. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, Tòa án còn đề nghị Ban Đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam đăng tin Thông báo cho anh Lee B trên Hệ Phát thanh Đối ngoại quốc gia Đài Tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp.

Tại phiên tòa: Chị Hoàng Thị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và lời trình bày tại bản tự khai đã gửi cho Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Lee B theo đúng quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị A và anh Lee B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và có ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 5 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị A được ly hôn với anh Lee B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, anh Lee B hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải

Phòng. Việc ủy thác tư pháp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Lee B đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Lee B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Lee B theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị A và anh Lee B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và có ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 27/5/2008, căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đến tháng 6 năm 2018, chị A sang Hàn Quốc để đoàn tụ với chồng, tuy nhiên trong quá trình chung sống do không hợp về phong tục tập quán, cũng như bất đồng ngôn ngữ nên từ tháng 3 năm 2009 chị A đã bỏ ra ngoài và không sống cùng anh Lee B, hiện hai anh chị đã ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị A và anh Lee B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị A.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị A khai chị và anh Lee B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị A khai vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Hoàng Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị A và anh Lee B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị A được ly hôn anh Lee B.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị A khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị A khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

Chị Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001744 ngày 01 tháng 04 năm 2019. Chị Hoàng Thị A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu số 0001807 ngày 18 tháng 04 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp.

Chị Hoàng Thị A có nghĩa vụ nộp tiền lệ phí uỷ thác tổng đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Tòa án thực hiện việc tổng đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí uỷ thác do đương sự nộp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị A (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lee B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng